**BuddhaSasana** [**Home Page**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\index.html)This document is written in Vietnamese, with **Unicode Times** font

**Tiểu Bộ Kinh - Tập VII**

**Chuyện Tiền Thân Đức Phật (IV)**

***Giáo sư Trần Phương Lan dịch Việt***

|  |
| --- |
| **460. Chuyện Thái Tử Yuvanjana (Tiền thân Yuvanjana)**  ***Con xin đảnh lễ đấng Quân vương..***  *Chuyện này bậc Ðạo Sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về Ðại sự Xuất thế của Ngài.*  *Một ngày kia, các Tỷ-kheo tụ họp trong Chánh pháp đường:*  *- Này Hiền hữu, một vị Tỷ-kheo bảo vị kia, đấng Thập Lực trước kia hẳn có thể sống tại gia, có thể làm một vị Chuyển luân Thánh vương ở giữa Ðại thế giới đầy đủ báu vật, vinh quang với bốn Thần lực siêu phàm, được đám vương tử vây quanh hơn ngàn vị. Tuy thế, Ngài đã từ bỏ mọi cảnh vinh quang ấy khi Ngài nhận thấy mối nguy hiểm nằm trong tham dục. Nửa đêm, cùng với Channa (Xa-nặc), Ngài cỡi vương mã Kanthaka (Kiền-trắc) của Ngài và ra đi. Trên bờ sông Anomà, Dòng Sông Vẻ vang ấy, Ngài từ giã thế tục và suốt sáu năm liền, Ngài sống khổ hạnh ép xác, sau đó Ngài tự tu tập và chứng đắc Chánh Ðẳng Giác.*  *Tăng chúng nói với nhau như vậy về công hạnh của đức Phật. Bậc Ðạo Sư bước vào hỏi:*  *- Này các Tỷ-kheo, trong lúc ngồi đây, các ông đang nói về vấn đề gì?*  *Tăng chúng thưa với Ngài. Bậc Ðạo Sư bảo:*  *- Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu tiên Như Lai làm đại sự xuất thế. Ngày xưa, Ngài đã từ bỏ ngai vàng ở vương quốc Ba-la-nại rộng đến mười hai dặm.*  *Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.*  \*  Một thuở nọ, có một vị vua mệnh danh là Sabbadatta cai trị thành Ramma. Kinh thành mà nay ta gọi là Ba-la-nại đã được gọi là Sarundhana trong tiền thân Udaya số 458, cũng là Sudassana trong tiền thân Cullasutasoma số 525, hay là Brahmavaddhana trong tiền thân Sonandana số 532, và là Pupphavati trong tiền thân Khandahàla số 542. Còn trong tiền thân Yuvanjana này, nó lại có tên là thành Ramma. Như vậy tên đó thay đổi theo nhiều hoàn cảnh.  Thời ấy vua Sabbadatta có một ngàn vương tử, và ngài phong chức phó vương cho Thái tử Yuvanjana.  Một sáng sớm kia, thái tử ngự lên vương xa lộng lẫy của chàng trong quang cảnh cực kỳ uy nghi, chàng nhàn du trong vườn thượng uyển. Khắp các đỉnh cây, ngọn cỏ, đầu cành, trên các mạng nhện giăng tơ qua các đầu ngọn lau, chàng thấy các giọt sương lủng lẳng như vô số xâu chuỗi ngọc trai. Chàng hỏi:  - Này hiền hữu quản xa, cái gì đây?  - Tâu điện hạ, đây là chất lỏng rơi xuống trong mùa lạnh, mà người ta gọi là sương mai.  Thái tử tiếp tục du ngoạn vui chơi trong ngự viên trọn ngày hôm đó. Về chiều, khi chàng quay lại lối cũ, chàng không còn thấy hạt sương nào nữa. Chàng hỏi:  - Này hiền hữu quản xa, những hạt sương đâu rồi? Nay ta không còn thấy chúng nữa.  Vị kia đáp:  - Tâu điện hạ, khi mặt trời lên cao, sương tan hết và chìm xuống đất.  Nghe vậy, thái tử thất vọng bảo:  - Ðời người ta cũng được tạo thành chẳng khác gì các giọt sương mai trên ngọn cỏ. Ta cần phải thoát khỏi gánh nặng bức bách của bệnh tật, tuổi già và chết chóc. Ta phải từ giã song thân và rời thế tục.  Như vậy là do nhân duyên các giọt sương mai, chàng nhận thức ba cõi sinh hữu (dục giới, sắc giới, vô sắc giới) như thể đang ở trong ngọn lửa cháy bừng. Khi chàng về cung, chàng vào yết kiến phụ vương trong Ðại pháp đình nguy nga của ngài. Ðảnh lễ vua cha xong, chàng đứng sang một bên và ngâm vần kệ đầu để xin phép vua cha được rời thế tục:  *1. Con xin đảnh lễ đấng quân vương, Giữa ngự quan, bằng hữu, đại thần, Hoàng thượng, con mong rời thế tục, Xin hoàng thượng chẳng chối từ con.*  Kế đó vua ngâm vần kệ thứ hai để khuyên can chàng:  *2. Con có mơ gì, hỡi Dũ-vân, Cha ban tròn vẹn mọi cầu mong, Nếu ai làm hại, cha che chở, Con chớ làm tu sĩ ẩn thân.*  Nghe thế, thái tử ngâm vần kệ thứ ba:  *3. Chẳng có ai làm hại đến con, Ước mơ con đạt được vuông tròn, Song con muốn kiếm nơi an trú, Mà tuổi già không phá mỏi mòn.*  Bậc Ðạo Sư ngâm nửa vần kệ để giải thích vấn đề này:  *4. Thái tử tâu vầy với phụ vương, Vua cha liền phán bảo cùng con: Nửa vần kệ sau do đức vua ngâm: "Ðừng rời thế tục, này vương tử, Dân chúng kinh thành thảy khóc thương".*  Vương tử lại đáp vần kệ này:  *5. Ðại đế, đừng làm trẻ phải xa, Cuộc đời không tục lụy phù hoa, Con e say đắm nhiều tham dục Sẽ hóa mồi ngon của tuổi già.*  Khi nghe nói điều này, vua cha phân vân do dự. Sau đó, mẫu hậu được tin:  - Tâu lệnh bà, thái tử đang xin pháp hoàng thượng để xuất gia.  Bà hỏi:  - Ngươi nói gì thế?  Tin ấy khiến bà ngạt thở, liền ngự vào chiếc kiệu bằng vàng, bà bảo đi nhanh đến đại pháp đường và ngâm vần kệ thứ sáu:  *6. Mẹ van con đó, hỡi con thân, Và mẹ mong con phải ở gần, Mẹ muốn gặp con hoài, thái tử, Con đừng rời bỏ chốn phàm trần*.  Khi nghe vậy, thái tử ngâm vần kệ thứ bảy:  *7. Như đầu ngọn cỏ đọng hơi sương, Khi mặt trời lên rực ánh dương, Cũng vậy là đời người thế tục, Xin đừng cản bước, mẹ hiền thương.*  Chàng nói vậy xong, bà vẫn van xin chàng mãi, với mục đích ngăn cản chàng. Sau đó, bậc Ðại sĩ tâu với vua cha vần kệ thứ tám:  *8. Bảo người khiêng kiệu, hãy cùng nâng! Ðừng để mẹ già cứ cản ngăn Con trẻ muốn đi vào Thánh đạo, Xa đời sinh diệt, tấu Minh quân!*  Khi vua cha nghe con nói, ngài phán:  - Này ái hậu, hãy lên kiệu về cung thường lạc của ta mà an nghỉ.  Trước lệnh của vua, đôi chân vương hậu quỵ xuống, rồi bà được đám cung nữ vây quanh dìu bà về. Khi bước vào hậu cung, đứng nhìn về phía đại pháp đường, bà băn khoăn hỏi tin tức con mình. Sai khi mẫu hậu đi rồi, Bồ-tát lại xin phép vua cha lần nữa. Vua không thể từ chối chàng được, liền phán:  - Này thái tử thân yêu, cứ làm theo ý nguyện của con và từ bỏ thế tục.  Khi vừa nghe cha chấp thuận điều này, tiểu hoàng đệ của Bồ-tát là vương tử Yudhitthila, đến đảnh lễ vua cha, và cũng xin phép theo đời xuất gia như thế, vua liền bằng lòng ngay.  Cả hai vị vương tử từ biệt vua cha và giờ đây, sau khi từ bỏ mọi dục lạc thế gian, hai vị ra đi từ đại pháp đường giữa đại chúng. Chánh hậu nhìn theo bậc Ðại sĩ và than khóc:  - Thái tử đã từ giã thế tục, kinh thành Ramma này sẽ trống rỗng.  Rồi bà ngâm đôi vần kệ:  *9. Nhanh lên, cầu hạnh phúc, con ôi! Ta chắc Ram-ma trống vắng thôi, Ðại đế Sab-ba vừa chấp thuận, Dũ-vân thái tử xuất gia rồi.  10. Thái tử, đại huynh giữa cả ngàn, Hoàng nhi trông dáng thật như vàng, Từ đây vương tử oai hùng đã Ðắp chiếc y vàng bỏ thế gian.*  Bồ-tát không đi ngay lên đường tu hành. Không, trước tiên ngài đến từ biệt song thân, rồi cùng với tiểu đệ là vương tử Yudhitthila, ngài rời kinh thành và bảo đám đại chúng đang theo sau hai vị phải quay về, còn hai vị tiến lên vùng Tuyết Sơn. Tại đó, hai vị dựng lên một thảo am ở một chốn đầy an lạc và hành trì cuộc đời của bậc hiền nhân thanh tịnh tu tập thiền định hướng thượng. Hai vị sống suốt đời bằng các củ, quả rừng rồi được sinh lên cõi Phạm thiên.  Vấn đề này được giải thích qua vần kệ cuối cùng phát xuất từ trí tuệ tối thắng của đức Phật:  *11. Vương tử Dũ-thi với Dũ-vân, Sống đời thanh tịnh của hiền nhân, Giã từ vương phụ và vương mẫu, Chặt đứt làm đôi xích tử thần.*  \*  *Khi bậc Ðạo Sư đã chấm dứt Pháp thoại, Ngài bảo:*  *- Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu Như Lai từ bỏ vương quốc để đi theo đời tu hành, mà ngày xưa cũng đã làm như thế.*  *Rồi Ngài nhận diện tiền thân:*  *- Thuở ấy, song thân trong hoàng tộc ngày nay là vương phụ và mẫu hậu, Ànanda là tiểu đệ Yudhitthila và thái tử Yuvanjana chính là Ta.*  -ooOoo-  **461. Chuyện Đại Vương Dasaratha (Tiền thân Dasaratha)**  ***Lak-kha hiền đệ lẫn Si-ta..,***  *Chuyện này bậc Ðạo Sư kể tại Kỳ Viên về một người địa chủ có cha chết.*  *Khi người cha từ trần, lòng người ấy tràn ngập đau buồn bỏ dở mọi công việc của mình, ông chìm đắm trong nỗi u sầu. Vào một buổi sáng, bậc Ðạo Sư nhìn xuống thế gian, nhận thấy người ấy đã đến thời kỳ thành thục để đắc quả Dự Lưu. Hôm ấy khi đã đi khất thực tại Xá-vệ, và thọ thực xong, Ngài bảo các Tỷ-kheo lui về, rồi Ngài đem theo một Tỷ-kheo trẻ, đi đến nhà người ấy. Ngài chào ông và nói với ông trong lúc Ngài ngồi đó bằng những lời ngọt ngào như mật:*  *- Này cư sĩ, ông đang sầu muộn phải chăng?*  *- Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Con đang buồn vì cha con mất!*  *Bậc Ðạo Sư bảo:*  *- Này cư sĩ, các bậc trí nhân ngày xưa hiểu rõ Tám pháp của thế giới này (được và mất, vinh và nhục, khen và chê, lạc và khổ), nên khi cha mất, các ngài không thấy đau buồn, dù chỉ mảy may.*  *Rồi theo lời thỉnh cầu của ông, Ngài kể một chuyện quá khứ.*  \*  Một thuở nọ, tại Ba-la-nại, một vị đại vương mệnh danh Dasaratha, từ bỏ các ác đạo và cai trị theo Chánh pháp. Trong số mười sáu ngàn cung phi, vị chánh hậu sinh hạ hai vương tử và một công chúa; thái tử được đặt tên là Ràma Pandita hay hiền giả Ràma. Vị thứ hai được đặt tên Lakkhana hay Cát Tường và tên công chúa là Sità hay Thanh Lương.  Theo thời gian chánh hậu qua đời. Lúc bà từ trần, vua bị nỗi đau buồn xâm chiếm trong một thời gian, nhưng khi được triều thần thúc giục, ngài cử hành tang lễ bà xong, lại phong cho một vi vương phi khác lên làm chánh hậu. Bà này được vua hết sức sủng ái. Sau đó bà thụ thai, được vua chăm sóc rất ân cần chu đáo và sinh hạ một hoàng nam, đặt tên là vương tử Bharata.  Vua rất yêu quý vương tử ấy và bảo chánh hậu:  - Này ái khanh, ta ban cho nàng một ân huệ, nàng hãy chọn đi.  Bà nhận đặc ân trên, nhưng xin vua cho bà hoãn lại sự lựa chọn ấy một thời gian. Khi vương nhi lên bảy tuổi, bà đến yết kiến vua và tâu:  - Tâu thánh thượng, ngài đã hứa ban một đặc ân cho vương tử, con của thần thiếp, giờ đây xin ngài ban cho thần thiếp được chăng?  - Ái khanh hãy chọn đi - Vua phán.  - Tâu thánh thượng - bà bảo - xin ban vương quốc này cho con thần thiếp.  Vua tỏ vẻ bất cần đối với bà:  - Lui ra ngay, này ác nữ nhân! Ngài phán một cách giận dữ. Hai vương nhi của ta sáng rực như hai ngọn lửa hồng, ngươi muốn giết chúng đi rồi đòi ngai vàng cho con của ngươi đấy chăng?  Bà hoảng sợ chạy về cung thất nguy nga của bà, rồi các ngày tiếp theo, lại cố xin vua đặc ân ấy mãi. Vua không chấp thuận ban cho bà ân huệ ấy. Ngài nghĩ thầm: "Nữ nhân thường vong ân và phản bội, ác phụ này có thể dùng chiếu chỉ giả mạo hay hối lộ gian trá để sai giết các con ta". Vì vậy ngài cho triệu hai con đến và kể hết mọi việc cho con nghe, rồi phán:  - Này hai vương nhi, nếu các con ở đây, chắc tai họa có thể xảy ra cho các con. Vậy hãy qua vương quốc bên cạnh ta, hoặc vào rừng, rồi khi thân ta đã được hỏa táng, hãy trở về thừa kế vương vị thuộc về gia tộc của các con.  Sau đó ngài triệu các thầy tướng số đến hỏi về thọ mạng của ngài. Họ tâu rằng ngài có thể sống thêm mười hai năm nữa. Rồi ngài bảo:  - Này các con, sau mười hai năm các con phải trở về và giương cao chiếc lọng của hoàng gia.  Hai vương tử hứa lời xong và vừa đi khỏi cung điện vừa khóc lóc. Công nương Sità nói:  - Ta cũng sẽ đi cùng hai vương huynh.  Nàng vào từ biệt phụ vương, vừa ra đi vừa khóc lóc.  Cả ba anh em lên đường giữa đám đông dân chúng. Ba vị bảo dân chúng lui về, rồi tiến lên cho đến khi đi tận vùng Tuyết Sơn. Tại đó, ở một nơi có nước chảy nhiều, và thuận tiện để hái quả rừng, hai vị dựng am tu và sống tại đó bằng quả cây.  Trí giả Lakkhana và Sità nói với trí giả Rama:  - Ðại hiền huynh ở địa vị thân phụ của chúng em, vậy xin ở lại trong am và chúng em sẽ đi hái quả về nuôi hiền huynh.  Chàng đồng ý. Từ đó hiền giả Rama ở tại nhà, còn hai em cùng đi mang quả rừng về nuôi chàng.  Ba vị sống tại đó như vậy và nuôi thân bằng quả rừng hoang dại, song vua Dasaratha héo mòn vì nhớ các con nên từ trần vào năm thứ chín. Trong lúc cử hành tang lễ vua, hoàng hậu ra lệnh giương chiếc lọng phong vương cho con trai bà là vương tử Bharata. Nhưng triều thần bảo:  - Các vị vương tử chúa tể của chiếc lọng này đang ở trong rừng.  Nên đại chúng không cho phép việc ấy. Vương tử Bharata lại bảo:  - Ta sẽ đi tìm đại vương huynh Ràma trong rừng về và giương chiếc lọng phong vương cho ngài.  Mang theo năm biểu tượng của vương quyền (bảo kiếm, lọng trắng, vương miện, đôi hài và cái quạt bằng lông đuôi trâu rừng), chàng lên đường cùng một đoàn hộ tống đầy đủ bốn đạo quân (voi, kỵ mã, xe, bộ binh), đến nơi ba vị đang trú ngụ. Không xa đó mấy, chàng ra lệnh cắm trại, rồi cùng vài triều thần đi đến viếng vùng ẩn am, vào lúc hiền giả Lakkhana cùng Sità đã đi vào rừng.  Hiền giả Ràma đang ngồi ở cửa am, vô tư và thanh thản như một pho tượng bằng vàng ròng vững chắc. Vị vương tử đến gần ngài đảnh lễ rồi đứng một bên, kể cho ngài nghe mọi việc xảy ra ở vương quốc, vừa quỳ xuống chân ngài cùng đám triều thần vừa òa lên khóc nức nở. Hiền giả Ràma không buồn cũng không khóc, tâm trí ngài không còn xúc động nữa.  Sau khi Bharata đã hết khóc và ngồi xuống, mãi đến chiều hai vị kia mới trở về với mớ quả rừng. Hiền giả Ràma suy nghĩ: "Hai em kia còn trẻ, chúng không có trí tuệ tỉnh giác như ta. Nếu thình lình chúng được nghe tin rằng phụ vương đã băng hà, nỗi đau khổ sẽ lớn quá mức chúng chịu đựng, ai biết được tim chúng chẳng tan nát ra? Vậy ta sẽ dụ chúng bước xuống nước rồi tìm phương tiện tỏ bày sự thật. "Rồi vừa chỉ cho hai em một nơi ở phía trước có nước, ngài bảo:  - Các em đi ra ngoài lâu quá, vậy đây là cách để các em hối lỗi. Hãy bước xuống vũng nước kia và đứng đó.  Rồi ngài ngâm nửa vần kệ:  *1. Lak-kha hiền đệ, lẫn Si-tà, Bước xuống ao kia cả đấy mà.*  Chỉ một lời thế là đủ, hai vị bước xuống nước và đứng đó. Lát sau ngài báo tin cho hai em bằng cách ngâm nửa vần kệ tiếp:  *Vương tử Bha-ra vừa nói rõ Da-sa đại đế đã băng hà.*  Khi hai vị nghe tin vương phụ đã băng hà, liền ngất xỉu. Ngài lập lại tin ấy, hai vị lại ngất xỉu, đến lần thứ ba, hai vị vẫn ngất đi. Các triều thần liền đỡ họ dậy và đem họ ra khỏi nước rồi đặt họ lên đất khô ráo. Khi hai vị đã được an ủi khuyên lơn, cả hai vẫn ngồi khóc lóc, kêu gào. Lúc ấy vương tử Bharata suy nghĩ: "Vương huynh Lakkhana và vương tỷ Sità không thể nào ngăn nỗi sầu bi khi nghe tin phụ vương từ trần, song hiền giả Ràma chẳng than khóc kêu gào gì cả. Ta không biết nguyên nhân gì khiến vương huynh chẳng sầu muộn. Ta sẽ hỏi xem".  Rồi chàng ngâm vần kệ thứ hai hỏi:  *2. Cho biết, Rà-ma, bởi lực gì, Gặp buồn, huynh lại chẳng sầu bi? Lòng huynh sầu muộn không tràn ngập, Dù được tin vương phụ mất đi!*  Sau đó, Ràma giải thích lý do ngài không cảm thấy sầu bi bằng cách đáp lời:  *3. Khi chẳng làm sao giữ vật nào, Dù cho người ấy có kêu gào, Vậy nên người trí đầy thông tuệ Phải tự hành mình bởi cớ sao?  4. Các đám thanh niên, kẻ trưởng thành, Người ngu cùng với bậc thông minh, Giàu, nghèo, kết cuộc đều cầm chắc, Phải chết từng người giữa chúng sinh.  5. Như ta đứng trước quả cây muồi, Hay phát sinh niềm sợ quả rơi, Cũng vậy phát sinh lòng sợ chết, Với phàm nhân ở khắp muôn người.  6. Nhiều kẻ vừa trông thấy buổi mai, Có khi chiều tối đã lìa đời, Và người được thấy khi chiều xuống, Vừa mới sáng mai đã mất rồi.  7. Nếu người ngu dại hoặc cuồng điên, Phúc lạc đổ dồn đến tự nhiên Khi nó tự hành bằng nước mắt, Bậc hiền làm giống kẻ kia liền.  8. Cách này đây nó tự hành mình, Kẻ ấy gầy mòn lại tái xanh, Nước mắt chẳng làm gì ích lợi, Chẳng làm người chết được hồi sinh.  9. Như nhà cháy rực lửa đang hồng, Ðược dập tắt liền với nước sông, Người mạnh, người hiền, người có trí, Những người hiểu giáo lý tinh thông, Nỗi buồn đem rắc như bông vải, Khi có cuồng phong thổi bão bùng.  10. Một khi sinh vật phải lìa trần, Một kẻ khác liền được thọ thân, Kết hợp với nhiều dây trói buộc, Có cùng đặc tính một nguồn căn, Phước phần mỗi kẻ đều tùy thuộc Vào những dây liên hệ buộc ràng.  11. Người mạnh, tinh thông lý nhiệm mầu, Quán sát đời này lẫn kiếp sau, Hiểu bản chất này chung của chúng, Cho nên chẳng bị nỗi buồn rầu, Khiến cho lòng trí mình dao động, Dù có khổ đau đến độ nào.  12. Vậy ta nên cống hiến song thân, Phụng dưỡng các ngài phẩm vật dâng, Ta sẽ bảo tồn di tích cũ, Ấy là hành động của hiền nhân.*  Trong các vần kệ này, ngài đã giải thích tính Vô thường của vạn vật.  Khi hội chúng nghe Pháp thoại này của hiền giả Ràma làm sáng tỏ quy luật Vô thường, họ đều tiêu tan mọi nỗi sầu muộn. Sau đó vương tử Bharata kính chào hiền giả Ràma và van xin ngài nhận lãnh vương quốc ở Ba-la-nại. Hiền giả Ràma bảo:  - Này vương đệ, hãy đem Lakkhana và Sità về với vương đệ, và chính các vương đệ hãy chăm lo cai trị đất nước.  - Tâu chúa thượng, không được, xin chúa thượng đảm nhận quốc độ.  - Này vương đệ, phụ vương đã ban lệnh cho ta nhận lãnh quốc độ sau mười hai năm. Nếu ta về bây giờ, ta sẽ không thi hành lệnh vua ban. Vậy ba năm nữa ta sẽ về.  - Thế ai sẽ trị nước trong thời gian này?  - Chính vương đệ.  - Tiểu đệ không muốn thế.  - Vậy thì cho đến khi ta về, đôi hài này sẽ làm việc đó.  Ràma bảo, rồi tháo đôi hài rơm ra, ngài trao chúng cho vương đệ. Thế là ba vị nhận lấy đôi hài, từ tạ vị hiền nhân và lên đường về Ba-la-nại cùng với đoàn người hộ tống đông đảo.  Trong ba năm liền, đôi hài ấy cai trị vương quốc. Triều thần đặt chúng lên ngai, khi hội chúng xét xử một việc gì. Nếu vụ kiện được xét xử sai, đôi hài sẽ đập vào nhau. Và khi thấy dấu hiệu ấy, sự việc kia được xét lại, đến khi việc phán xét đúng đắn thì đôi hài nằm yên.  Khi thời gian ba năm ấy đã qua, bậc trí nhân ra khỏi rừng, đi đến Ba-la-nại, và vào ngự viên. Các vương tử nghe tin ngài đến, liền cùng một đoàn hộ tống đông đảo đi đến hoa viên, và phong Sità lên làm chánh hậu, rồi làm lễ quán đảnh (rảy nước thánh) cho cả hai. Khi cử hành lễ quán đảnh như thế xong, bậc Ðại Sĩ đứng trên chiếc vương xa lộng lẫy với một đám đông vây quanh tiến vào kinh thành, đi diễu quanh một vòng theo hướng bên hữu, rồi ngự lên thượng lầu vĩ đại của cung điện nguy nga Sucandaka kia, ngài trị nước tại đó rất chân chánh trong mười sáu ngàn năm, và về sau đi lên cộng trú cùng hội chúng của chư Thiên.  Vần kệ này từ trí tuệ tối thắng giải thích phần kết thúc câu chuyện:  *Trăm năm nhân với sáu mươi lần, Một vạn năm thêm, chuyện kể rằng Dũng sĩ Rà-ma lên ngự trị, Cổ ngài ba ngấn, hạnh phúc tràn*  \*.  *Khi bậc Ðạo Sư chấm dứt Pháp thoại này, Ngài tuyên thuyết các Sự Thật. Bấy giờ, lúc kết thúc các Sự Thật, người địa chủ đã được an trú vào Sơ quả (Dự Lưu).*  *Rồi Ngài nhận diện tiền thân:*  *- Thời ấy, vua Suddhodana là vua Dasaratha, hoàng hậu Mahàmayà là mẫu hậu, mẹ của Ràhula là Sità, Ànanda là Bharata và Ta chính là hiền giả Ràma.*  -ooOoo-  **462. Chuyện Vương Tử Samvara (Tiền thân Samvara)**  ***Quả xưa thánh thượng đã tinh tường..,***  *Chuyện này bậc Ðạo Sư kể lại trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo không giữ tinh tấn.*  *Chúng ta biết đây là một thiện gia nam tử ở Xá-vệ, sau khi nghe bậc Ðạo Sư thuyết Pháp, người này từ bỏ thế tục. Ðang khi hoàn thành mọi nhiệm vụ do các giáo sư và các vị giáo thọ đề ra, người ấy vừa học thuộc lòng các chi phần của Giới bổn Patimokka. Sau năm năm ông nói:*  *- Khi nào ta đã được chỉ dạy pháp môn nhập thiền định, ta sẽ vào an trú trong rừng.*  *Sau đó, ông từ giã các giáo sư, tiến vào một làng ở biên địa trong vương quốc Kosala. Dân chúng hài lòng với cách ăn ở của ông, nên ông dựng am lá ở đó được cung phụng đầy đủ. Vào mùa mưa, với nhiệt tâm tinh cần, nỗ lực phấn đấu, ông cố gắng đạt đến thiền định trong vòng ba tháng, song chẳng đạt được chút gì từ việc này cả. Sau đó ông suy nghĩ: "Quả thật ta là người đầy nhiệt tâm đối với các thế gian pháp nhất trong bốn hạng người được bậc Ðạo Sư thuyết giảng. Ta còn làm gì nữa với đời sống trong rừng?" Rồi ông lại nghĩ thầm: "Ta sẽ trở về Kỳ Viên, trong lúc chiêm ngưỡng hảo tướng của đức Như Lai và nghe giọng Ngài thuyết Pháp dịu ngọt như mật, ta sẽ sống cả đời tại đó".*  *Thế là người ấy giảm sút lòng tinh tấn, và lên đường lần hồi đi đến Kỳ Viên. Các giáo sư và các vị giám hộ của ông, cùng bạn bè thân thuộc hỏi ông về nguyên nhân trở về đây. Ông bảo cho các vị kia biết, đại chúng đều chê trách ông về việc này và chất vấn ông tại sao lại làm như vậy. Sau đó đại chúng dẫn ông đến yết kiến bậc Ðại Sư.*  *- Này các Tỷ-kheo - bậc Ðạo sư hỏi - tại sao các ông dẫn một Tỷ-kheo đến đây mà kẻ ấy không muốn?*  *Tăng chúng đáp:*  *- Tỷ-kheo này đã đến đây vì ông đã giảm sút tinh tấn.*  *- Việc này có đúng như họ nói với Ta chăng? Bậc Ðạo sư hỏi.*  *- Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Người ấy đáp.*  *Bậc Ðạo sư bảo:*  *- Này Tỷ-kheo, tại sao ông không còn tinh tấn nữa? Ðối với một người yếu kém và lười biếng, không có quả vị cao cả nào dành cho y trong giáo pháp này, y cũng không thể đạt Thánh quả. Chỉ những kẻ nào nỗ lực tinh cần mới hoàn thành việc ấy được. Ngày xưa ông đầy đủ dũng lực, lại dễ dạy bảo và vì thế dù là nhỏ tuổi nhất trong đám cả trăm vương tử của vua Ba-la-nại, ông cũng đã chiếm được chiếc lọng trắng nhờ tuân theo đúng lời giáo huấn của các bậc hiền nhân.*  *Nói vậy xong, Ngài kể một câu chuyện quá khứ.*  \*  Một thuở nọ, khi vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, vị trẻ tuổi nhất trong số một trăm vương tử của ngài tên là vương tử Samvara. Vua giao mỗi con trai ngài cho một vị cận thần đảm trách cùng với lời chỉ dẫn để dạy mỗi người những môn học cần phải học tập. Vị cận thần dạy cho vương tử Samavara là Bồ-tát, ngài thật sáng suốt, học rộng, làm tròn nhiệm vụ như người cha đối với vương tử kia. Trong khi mỗi vị vương tử được giáo dục như thế, các cận thần thường đem họ đến để vua cha thăm viếng. Ngài ban cho mỗi vị một thị trấn và truyền lệnh ra đi nhận chức.  Khi vương tử Samvara hoàn thành mọi việc học tập, chàng hỏi Bồ-tát:  - Thưa dưỡng phụ, nếu phụ vương đưa con đến một thị trấn thì con phải làm gì?  Ngài đáp:  - Này con, khi con được ban cho một thị trấn, con phải từ chối và tâu: "Tâu phụ vương, con là con út trong nhà, nếu đi nữa thì sẽ không còn ai dưới chân phụ vương, nên con muốn ở lại nơi đang sống đây dưới chân phụ vương thôi".  Rồi một ngày kia, khi vương tử Samvara đến đảnh lễ ngài và đang đứng một bên, vua hỏi chàng:  - Này vương nhi, con đã học tập xong chưa?  - Tâu phụ vương, đã xong.  - Vậy con hãy lựa một thị trấn.  - Tâu phụ vương, nếu vậy thì quanh mình phụ vương sẽ trống vắng, vương nhi xin ở lại dưới chân phụ vương, chứ không đi đâu khác.  Vua rất hoan hỷ và bằng lòng ngay.  Sau khi chàng ở lại bêm mình vua cha, chàng hỏi Bồ-tát:  - Thưa dưỡng phụ, con phải làm gì nữa?  Ngài bảo:  - Hãy xin vua cha một ngự viên cũ.  Vương tử đồng ý và xin một hoa viên với số hoa quả trồng tại đó, chàng kết bạn cùng những người thế lực trong kinh thành. Chàng lại hỏi phải làm gì nữa. Bồ-tát bảo:  - Hãy xin vua cha cho phép phân phát tiền của khắp kinh thành.  Chàng làm theo và không hề bỏ quên một người nào, chàng phân phát tiền của khắp kinh thành. Chàng lại hỏi ý kiến Bồ-tát và sau khi xin vua cha chấp thuận, chàng phân phát thực phẩm trong cung điện, bọn nô tỳ, bầy ngựa và quân lính, không sót nơi nào; đối với sứ giả các nước ngoài đến, chàng sắp đặt nơi ăn chốn ở cho họ, chàng ấn định thuế má cho các thương nhân, mọi việc gì cần thu xếp, chàng đều làm một mình cả.  Như vậy theo lời khuyên của bậc Ðại sĩ, chàng kết bạn với mọi người, cả những người sống trong gia đình cho đến những người không gia đình, mọi người trong kinh thành, các triều thần của quốc độ này cho đến đám ngoại nhân, nhờ sức thu hút của chàng kết hợp bằng hữu lại với chàng như thể một sợi dây sắt: chàng được mọi người yêu mến thiết thân.  Ðến khi vua lâm trọng bệnh trên vương sàng, triều thần hỏi ngài:  - Tâu chúa thượng, khi chúa thượng băng hà, chúng thần sẽ trao chiếc lọng trắng cho ai?  Ngài đáp:  - Này các hiền khanh, các vương tử của ta đều có quyền được chiếc lọng trắng, song các khanh hãy trao nó cho người nào làm hài lòng các khanh.  Vì vậy sau khi ngài băng hà, và khi lễ tang đã được cử hành xong, vào ngày thứ bảy, quần thần tụ họp lại và bảo:  - Tiên vương ra lệnh cho chúng ta trao chiếc lọng trắng cho người nào làm vừa lòng chúng ta. Vậy người mà tâm chúng ta hằng ao ước chính là vương tử Samvara.  Cho nên đại chúng giương chiếc lọng trắng che lên đầu chàng cùng với các dây tua bằng vàng, và chàng được cả vương tộc hộ tống lên ngôi.  Ðại vương Samvara tuân thủ lời khuyên răn của Bồ-tát nên cai trị rất đúng Chánh pháp.  Còn chín mươi chín vị vương tử hay tin vua cha từ trần và chiếc lọng trắng đã giương lên cho vương tử Samvara. Các vị bảo:  - Nhưng nó là em út trong nhà, chiếc lọng không thuộc về nó được. Chúng ta hãy giương chiếc lọng lên cho vị huynh trưởng của chúng ta.  Họ đều tập họp mọi lực lượng lại, và gởi thư đến Samvara, buộc chàng hoàn trả chiếc lọng nếu không thì sẽ giao chiến, sau đó các vị bao vây kinh thành. Vua báo tin này với Bồ-tát và hỏi phải làm gì bây giờ. Ngài đáp:  - Này đại vương, ngài không nên gây chiến với các vương huynh. Hãy chia bạc vàng của vua cha thành một trăm phần, rồi chín mươi chín phần đến các vương huynh cùng thông điệp này: "Xin hãy nhận phần tài sản của phụ vương vì tiểu đệ không muốn gây chiến với các vương huynh".  Vua liền làm như thế.  Sau đo vị huynh trưởng, thái tử Uposatha, triệu tập các vương tử kia lại bảo:  - Này các hiền đệ, không ai có khả năng chiến thắng vị vua này được, và đây lại là em út của ta. Mặc dù trước đây, đó là kẻ thù của ta, nay không phải như vậy nữa, mà em ta gởi vàng bạc đến chúng ta, không muốn gây chiến với chúng ta. Giờ đây chúng ta không thể nào cùng một lúc giương cao chiếc lọng lên cho mọi người được, chúng ta hãy giương lọng lên cho một người thôi, hãy để một mình em út ta làm vua, vậy khi chúng ta gặp em ta, chúng ta sẽ giao trả vàng bạc của vương tộc cho em ta, và trở về thị trấn của mình.  Sau đó tất cả các vị ấy ngưng việc vây hãm kinh thành và đi vào trong thành, không còn là thù địch nữa. Vua bảo triều thần ra nghênh tiếp các vị và đại chúng đi đón các vương tử ấy. Các vương tử cùng đoàn tùy tùng đông đảo đi bộ vào, bước lên các bậc thềm của cung điện, hết sức khúm núm trước đại vương Samvara và ngồi xuống một chỗ thấp. Còn vua Samvara ngự trên ngai vàng dưới chiếc lọng trắng trông ngài thật uy nghi cao cả và rực rỡ huy hoàng; bất cứ nơi nào ngài nhìn đến, đại chúng đều rúng động toàn thân.  Thái tử Uposatha chiêm ngưỡng cảnh nguy nga lộng lẫy của đại vương Samvara, nghĩ thầm: "Ta chắc phụ vương ta biết rõ là vương tử Samvara sẽ làm vua sau khi ngài băng hà, nên ngài đã ban cho chúng ta các thị trấn mà chẳng cho vương đệ ta vùng nào cả". Sau đó chàng ngâm ba vần kệ nói với vua:  *1. Quả xưa thánh thượng đã tinh tường, Bản chất tính tình của đại vương, Ân đã ban nhiều vương tử khác, Ðại vương lại chẳng được ban phần.  2. Chính là vương phụ lúc sinh thời, Hay lúc thành tiên, đến cõi trời, Vì thấy lợi nhiều cho quốc độ, Nên vương tộc đã thuận theo lời.  3. Hãy nói lực gì, Sam-va-ra, Ðại vương vượt hẳn cả hoàng gia, Sao vương huynh lại không đoàn kết, Ðể chiếm ngôi cao của đệ à?*  Nghe vậy vua Samvara ngâm sáu vần kệ giải thích đặc tính của ngài:  *4. Ta chẳng bao giờ miễn cưỡng dâng Những gì xứng với đại hiền nhân, Sẵn sàng ban tặng đầy trân trọng, Ðảnh lễ, ta quỳ xuống dưới chân.  5. Ta chẳng tỵ hiềm, muốn học luôn Mọi điều đức hạnh hợp công bằng, Các hiền nhân dạy điều lương thiện Trong ấy các ngài thấy lạc hoan.  6. Ta vẫn thường nghe sự bảo ban Của nhiều bậc trí, đại hiền nhân, Tâm hồn ta hướng về lương thiện, Ta chẳng coi thường lời dạy răn.  7. Voi chiến cùng nhiều đạo mã xa, Bộ binh và vệ sĩ vương gia, Ta không hề bớt phần công nhật, Mà trả tiền lương đủ mọi nhà.  8. Quý tộc danh gia vẫn đến hầu, Quân sư tài trí thật là cao, Họ thường khen ngợi rằng lương thực, Quả thật Ba-la-nại rất giàu.  9. Thịnh vượng như vậy, các lái buôn, Từ nhiều quốc độ tới lui luôn, Ta che chở chúng - Này vương tử, Sự thật, hiền huynh đã tỏ tường.*  Thái tử Uposatha nghe kể rõ đức tính của vua liền ngâm hai vần kệ:  *10. Ðạo đức vượt hơn gia tộc mình, Và em cai trị thật công bình, Sam-va tài trí càng cao trọng, Phục lạc ban đều các đại huynh.  11. Vương huynh rày bảo vệ kho tàng, Vương đệ sau này sẽ vạn an, Tránh khỏi quân thù như Ðế Thích Mình vàng tránh các La-hầu-vương.*  Vua Samvara tiếp đãi các vương huynh rất trọng thể. Các vị ở lại cùng vua một tháng rưỡi, rồi bảo vua:  - Tâu đại vương, chúng thần muốn đi xem có trộm cướp nào đặt chân lên lãnh thổ của chúng thần chăng. Cầu mong triều đại này được vạn vạn phúc!  Các vị ấy lại ra về lãnh thổ của mọi người. Còn vua theo lời dạy của Bồ-tát, nên khi mạng chung, ngài đi lên cộng trú với hội chúng ở Thiên giới.  \*  *Khi bậc Ðạo Sư chấm dứt Pháp thoại này, Ngài nói thêm:*  *- Này Tỷ-kheo, xưa kia ông đã theo lời dạy bảo, tại sao nay ông lại không tiếp tục nỗ lực tinh cần?*  *Rồi Ngài thuyết giảng các Sự Thật. Bấy giờ, lúc kết thúc các Sự Thật, vị Tỷ-kheo đã được an trú vào Sơ quả (Dự Lưu).*  *Rồi Ngài nhận diện tiền thân:*  *- Thời ấy, Tỷ-kheo này là vua Samvara, Sàriputta (Xá-lợi-phất) là thái tử Uposatha, các vị trưởng lão và cao niên là các vương huynh kia, các đệ tử của đức Phật là đám tùy tùng của các vị ấy, và Ta chính là vị cận thần đã khuyến giáo vua.*  -ooOoo-  **463. Chuyện Trí Giả Suppàraka (Tiền thân Suppàraka)**  ***Những người kia mũi nhọn như dao..,***  *Chuyện này bậc Ðại Sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên, về sự viên mãn của trí tuệ tối thắng.*  *Một ngày nọ, chúng ta nghe kể rằng về buổi tối, các Tỷ-kheo đang đợi đức Như Lai đến thuyết Pháp cho Tăng chúng, và trong lúc ngồi tại chánh pháp đường, các vị nói với nhau:*  *- Này Tỷ-kheo, quả thật bậc Ðạo Sư có trí tuệ vĩ đại! Trí tuệ quảng bác! Trí tuệ mẫn tiệp, Trí tuệ linh hoạt! Trí tuệ tinh xảo! Trí tuệ uyên thâm! Trí tuệ Ngài đáp ứng đúng nơi đúng lúc! Trí bao la như thế giới, như đại dương vô tận, như bầu trời trải rộng mênh mông: khắp cả xứ Diêm-phù-đề không một bậc trí nhân nào có thể sánh bằng đấng Thập Lực, như một đợt sóng nổi lên trên đại dương không thể chạm đến bờ được, hoặc nếu chạm vào bờ, sóng kia sẽ vỡ tan. Cũng vậy, không một người nào có thể đạt đến trí tuệ bằng đấng Thập Lựïc, hoặc nếu kẻ ấy đến chân bậc Ðạo Sư thì sẽ vỡ tan.*  *Bằng những lời ấy Tăng chúng tán thán Trí tuệ tối thắng của đấng Thập Lục. Bậc Ðạo Sư bước vào, và hỏi:*  *- Này các Tỷ-kheo, các ông đang nói gì trong khi ngồi đây?*  *Tăng chúng thưa với Ngài. Ngài bảo:*  *- Không phải chỉ bây giờ Như Lai mới đầy đủ trí tuệ. Ngày xưa ngay khi trí tuệ chưa viên thành Chánh giác, Ngài cũng đã sáng suốt thông minh. Mặc dù mù lòa, Ngài cũng biết qua các dấu hiệu của đại dương là ở trong đại dương có chôn giấu các loại ngọc này nọ.*  *Sau đó Ngài kể một chuyện quá khứ.*  \*  Một thuở nọ một vị vua mệnh danh Bharu trị vì trong quốc độ Bharu. Có một thị trấn bên hải cảng được đặt tên là Bharukacha hay là Ðầm Bharu. Vào thời ấy, Bồ-tát sinh ra trong gia đình một thuyền trưởng ở tại đó, ngài rất khả ái, với làn da màu vàng nâu. Cha mẹ đặt tên ngài là Suppàraka-Kumàra.  Ngài lớn lên, xuất sắc khác thường, và ngay khi chỉ mới được mười sáu tuổi, ngài đã hoàn toàn tinh thông nghệ thuật hàng hải. Sau đó khi thân phụ mất, ngài cầm đầu đám thủy thủ và miệt mài với nghề hàng hải, ngài thật thông minh sáng suốt, khi ngài lên tàu rồi thì không hề có chiếc tàu nào đến làm hại được.  Theo thời gian, ngài bị thương vì nước mặn nên đôi mắt ngài mất cả thị giác. Sau sự kiện ấy, dù ngài là thuyền trưởng của đám thủy thủ, ngài không còn đeo đuổi sự nghiệp thương mãi nữa, mà quyết định về phục vụ vua, ngài đến yết kiến vua với mục đích ấy, và vua phong cho ngài chức hội thẩm đánh giá các báu vật. Từ đó ngài định giá trị các voi báu, ngọc báu và châu báu.  Một hôm, một con voi được đem trình lên vua, da voi màu đá đen, nên có thể được làm vương tượng. Vua liếc nhìn voi rồi ra lệnh đem nó đi đến trình diện với bậc trí giả. Quân hầu liền dẫn con vật đến gặp ngài. Ngài sờ tay lên khắp mình voi và bảo:  - Con voi này không xứng đáng làm quốc tượng. Nó có đặc tính của một con vật bị dị tật ở phía sau. Khi voi mẹ sinh ra nó, đã không đủ sức mang nó lên vai, nên để nó ngồi xuống đất, vì vậy nó bị tật nguyền ở chân sau.  Họ chất vấn những người đem voi đến, và bọn ấy trả lời rằng bậc trí giả đã nói đúng sự thật. Khi vua nghe nói chuyện kia, lòng rất hoan hỷ và ra lệnh ban cho bậc trí giả tám đồng tiền vàng.  Một ngày khác, người ta đem một con ngựa dâng lên để làm vương mã. Con vật này cũng được dẫn đến bậc trí giả. Ngài lấy tay sờ khắp mình ngựa rồi nói:  - Con vật này không thích hợp để làm vương mã cho đức vua ngự. Vào ngày nó sinh ra, ngựa mẹ chết đi, nên do thiếu sữa mẹ, nó không lớn lên đầy đủ.  Lời nói này của ngài cũng đúng sự thật nữa. Khi nghe được chuyện ấy, vua rất đẹp ý, phán bảo đem tặng ngài tám đồng tiền nữa.  Vào một ngày khác, một chiếc xe được đem đến để làm vương xa. Vua cũng đưa xe này đến ngài. Ngài lấy tay rờ khắp xe và bảo:  - Chiếc xe này được làm bằng gỗ rỗng, nên không thích hợp với đức vua.  Lời nói này của ngài cũng đúng như các lời khác. Vua lại một phen hài lòng khi nghe chuyện này, nên ban thêm cho ngài tám đồng nữa. Một lần nữa có người đem dâng vua một tấm thảm quý có giá trị lớn, vua liền đưa nó đến ngài như lần trước. Ngài sờ khắp tấm thảm, rồi bảo:  - Ở đây có một chỗ mà con chuột đã cắn một lỗ.  Họ xem kỹ và thấy chỗ đó, liền tâu với vua. Vua đẹp ý lại bảo cho ngài tám đồng tiền nữa.  Lúc bấy giờ bậc trí giả mới suy nghĩ: "Chỉ được có tám đồng vàng để xem những việc kỳ diệu như thế đấy. Ðây là món tiền tặng cho thợ hớt tóc, chắc hẳn vua này là cậu bé thường hớt tóc! Tại sao ta phải phụng sự một vị vua như thế chứ? Ta sẽ trở về nhà riêng của mình". Thế là ngài trở về hải cảng Bharukaccha và sống tại đó.  Lúc ấy có vài thương nhân chuẩn bị một chiếc thuyền và đang đi tìm một thuyền trưởng. Họ suy nghĩ: "Ngài Suppàraka thông minh kia là một bậc trí giả tài ba, có ngài trên tàu thì không con tàu nào đến hại nữa. Dù ngài mù lòa, bậc trí giả Suppàraka vẫn là người tuyệt hảo". Vì thế họ đi đến ngài và mời ngài làm thuyền trưởng.  - Này các hiền hữu - ngài đáp - ta mù rồi, làm sao lái thuyền các bạn được?  - Thưa Tôn giả, quả ngài mù thật đấy - các thương nhân bảo - song ngài là người tài giỏi nhất.  Vị họ cứ năn nỉ ngài mãi không ngớt nên cuối cùng ngài chấp thuận.  - Như các bạn đã nói với ta - ngài bảo - thì ta sẽ làm thuyền trưởng của các bạn.  Sau đó, ngài bước lên chiếc thuyền của họ.  Họ lái thuyền ra giữa đại dương. Suốt bảy ngày liền, thuyền đi không gặp rủi ro nào, rồi một ngọn gió trái mùa nổi lên. Thuyền trôi dạt bốn tháng trên vùng đại dương hoang dã, cho đến lúc vào được một nơi gọi là Biển Khuramàla (Bãi Dao nhọn hoắc). Tại đây loài cá có thân như người với mõm nhọn hoắc như lưỡi dao, nhào lộn dưới nước. Các thương nhân quan sát loài cá này, vừa hỏi bậc Ðại Sĩ biển này tên gì, vừa ngâm vần kệ đầu:  *1. Ðám người kia mũi nhọn như dao, Vừa nhảy lên cao, lại lộn nhào, Hãy nói, Sup-pà, cho chúng bạn, Biển này được biết với tên nào?*  Bậc Ðại sĩ nghe câu nói này, liền ôn lại trong trí các kiến thức thủy thủ của ngài, rồi đáp qua vần kệ thứ hai:  *2. Này các thương nhân cảng Bhar-ka, Ði tìm vàng bạc bán đường xa, Ðây là biển cá Khu-ra đó, Thuyền của các người đã lạc qua.*  Lúc bấy giờ đại dương này có nhiều kim cương. Bậc Ðại sĩ suy nghĩ rằng nếu ngài bảo chúng bạn đây là biển kim cương, họ sẽ làm chìm tàu do lòng tham hốt nhiều kim cương. Vì thế, ngài không nói gì cả, song sau khi đưa thuyền đến, ngài lấy một sợi dây thừng và thả lưới xuống như thể bắt cá. Với dây này, ngài đã hốt được một mớ kim cương và dấu trong thuyền, rồi ngài lựa những thứ ít giá trị quăng xuống biển.  Chiếc thuyền đi qua vùng biển này, đến một biển khác tên là Aggimàla (Vùng Lửa cháy). Biển này tỏa ra ánh sáng như thể một ngọn lửa đang bừng cháy, như mặt trời đúng ngọ. Các thương nhân hỏi han ngài qua vần kệ:  *3. Kìa đại dương như ngọn lửa hồng, Như vầng nhật chiếu, bạn cùng trông, Sup-pa, xin nói cho bè bạn, Tên gọi là gì chốn đại dương?*  Bậc Ðại sĩ đáp lại họ qua vần kệ tiếp theo:  *4. Này các thương nhân ở Bhar-ka, Ði tìm vàng bạc bán đường xa, Ðây là biển cả Ag-gi đó, Thuyền của các người đã lạc qua.*  Bấy giờ biển này chứa đầy vàng, cũng như trước, ngài lấy lên một mớ vàng và cất lên thuyền. Qua khỏi biển này con thuyền đi đến một biển cả tên là Dadhimàla (Vũng Sữa đông), óng ánh như sữa tươi hay sữa đông. Các thương nhân lại hỏi tên của biển qua vần kệ:  *5. Kìa biển trắng phau giống sữa tươi, Trắng như nhìn vũng sữa đông rồi, Sup-pà, xin nói cùng bè bạn, Tên gọi là gì của biển khơi?*  Bậc Ðại sĩ đáp lại chúng bằng câu kệ tiếp theo:  *6. Này các thương nhân ở Bhar-ka, Ði tìm vàng bạc bán đường xa, Ðây là biển cả Da-dhi đó, Thuyền của các người đã lạc qua.*  Trong biển này có rất nhiều bạc. Ngài lấy bạc theo cách như trước, rồi cất lên tàu. Chiếc thuyền đi qua biển này và đến một đại dương tên là Nilavannakusamàla (Thảm cỏ Kusa), có hình dáng một thảm cỏ kusa đen nhánh (cỏ cát tường) hay một cánh đồng lúa. Các thương nhân lại hỏi tên biển qua vần kệ:  *7. Kìa, biển xanh như cỏ cát tường, Tưởng như nhìn đám lúa nàng hương, Sup-pà, hãy nói cho bè bạn, Tên gọi là gì của đại dương?*  Ngài đáp lời qua vần kệ tiếp theo:  *8. Này các thương nhân xứ Bhar-ka, Ði tìm vàng bạc bán đường xa, Ðại dương đây chính Ku-sa đó, Thuyền của các người đã lạc qua*.  Bấy giờ trong biển này có rất nhiều ngọc bích quý. Cũng như trước, ngài lấy một mớ ngọc và cất trên thuyền. Qua khỏi biển này, con thuyền đi đến một biển tên gọi là Nalamàla (Bãi Lau sậy), có hình dáng một bãi lau sậy hay một rừng tre. Các thương nhân hỏi tên biển qua vần kệ:  *9. Kìa đại dương như một khóm lau, Khác nào ta thấy rặng tre đâu, Sup-pà, hãy nói cho bè bạn, Biển cả này tên gọi thế nào?*  Bậc Ðại sĩ đáp lại qua vần kệ sau:  *10. Này các thương nhân xứ Bhar-ka, Ði tìm vàng bạc bán đường xa, Biển này tên gọi Na-la đó, Thuyền của các người đã lạc qua.*  Bấy giờ biển này đầy san hô với màu khóm tre, ngài lại hốt một mớ đá quý này và cất lên tàu.  Sau khi đi qua biển Nalamàla, các thương nhân đến một biển có tên là Valabhàmukha (Lòng chảo). Ở đây nước rút đi và dâng lên một phía, và như vậy nước rút đi ở mọi phía và dâng lên trên các vách đá thẳng đứng để lại một vùng như thể cái hố sâu. Một đợt sóng dâng tràn lên một phía, khác nào một bức tường: tai lại nghe một tiếng gầm thét khủng khiếp, tưởng chừng làm thủng màng tai hoặc vỡ cả tim ra. Khi thấy cảnh này, các thương nhân kinh hoảng và hỏi tên biển qua vần kệ:  *11. Này nghe tiếng thét thật kinh hoàng, Từ biển cả kia thật dị thường! Hố thẳm, hãy nhìn nhiều đợt sóng Dâng lên dốc đứng tựa sườn non, Sup-pà, hãy nói cho bè bạn, Ðây gọi tên gì của đại dương?*  Bồ-tát đáp lại qua vần kệ:  *12. Này các thương nhân xứ Bhar-ka, Ði tìm vàng bạc bán đường xa, Va-la-bhà đại dương này đó, Thuyền của các người đã lạc qua.*  Ngài nói tiếp:  - Này các hiền hữu, một khi thuyền vào trong biển Valabhàmukkhi này thì không thể nào trở về được. Nếu thuyền này vào đó, nó sẽ chìm và tan nát.  Bây giờ có cả bảy trăm mạng người trên thuyền này, họ đều sợ chết; nên họ đồng thanh thốt lên một tiếng kêu vô cùng thảm thiết, chẳng khác nào tiếng kêu la của những kẻ đang bị đốt cháy trong chốn địa ngục tận cùng (Vô gián Ðịa ngục). Bậc Ðại sĩ nghĩ thầm: "Trừ ta ra, không ai có thể cứu mạng họ được. Ta quyết cứu họ bằng một lời thề chân lý". Rồi ngài nói lớn:  - Này các hiền hữu, hãy mau mau tắm cho ta bằng nước hương thơm, mặc y phục mới cho ta, dọn ra một chén nước đầy và đưa ta đứng trước con thuyền.  Cả bọn vội làm như vậy. Bậc Ðại sĩ cầm chén nước đầy bằng cả hai tay, và đứng trước mũi thuyền, thực hiện một lời nguyện cầu chân lý trong khi ngâm vần kệ cuối cùng:  *13. Từ khi ta nhớ rõ về thân, Trí tuệ đầu tiên phát khởi dần, Không một người nào ta sát hại, Là điều ta đã biết tinh tường, Nều lời cầu nguyện này chân chánh, Mong ước thuyền về chốn vạn an.*  Bốn tháng qua con thuyền đã du hành trong những vùng biển xa xôi nay dường như được ban cho thần lực siêu phàm, nên chỉ trong một ngày nó trở lại hải cảng Bharukaccha, vào tận trên đất liền cho đến khi dừng lại trước cửa nhà của vị thuyền trưởng kia, sau khi nhảy vọt qua một khoảng chừng một ngàn một trăm cubit (1 cubit = 45cm). Bậc Ðại sĩ phân phát cho đám thương nhân tất cả vàng bạc trân châu, san hô, kim cương và bảo:  - Số châu báu này là đủ cho các bạn rồi, vậy đừng du hành đường biển nữa.  Sau đó ngài thuyết Pháp cho họ và đến khi đã làm xong các việc bố thí và các thiện sự suốt đời, ngài đi lên cộng trú với hội chúng ở Thiên giới.  \*  *Sau khi chấm dứt Pháp thoại này, bậc Ðạo sư bảo:*  *- Này các Tỷ-kheo, ngày xưa Như Lai cũng rất thông thái như bây giờ vậy.*  *Rồi Ngài nhận diện tiền thân:*  *- Thời bấy giờ hội chúng của đức Phật là hội chúng thương nhân và Ta chính là Trí giả Suppàraka.*  -ooOoo-  [**Đầu trang**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-10.html#top) **|** [**Mục lục**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-00.html) **|** [**01**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-01.html) **|** [**02**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-02.html) **|** [**03**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-03.html) **|** [**04**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-04.html) **|** [**05**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-05.html) **|** [**06**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-06.html) **|** [**07**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-07.html) **|** [**08**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-08.html) **|** [**09**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-09.html) **| 10 |** [**11**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-11.html) **|** [**12**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-12.html) |

*Chân thành cám ơn anh HDC đã có thiện tâm giúp tổ chức đánh máy vi tính (B. Anson, 02-2004).*

**[**[**Mục lục Tiểu Bộ**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo1\tieubo-00.html)**][**[**Thư Mục Tổng Quát**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\index.html)**]**

*last updated: 10-03-2004*